

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2026T05.N154-N156/00234/KQ-GS.EST

- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**
- Địa chỉ: Tổ dân phố Hồng Sơn, Phường Lý Thường Kiệt, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Loại mẫu: Nước sinh hoạt
- Địa điểm quan trắc: Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn.
- Kí hiệu mẫu, vị trí lấy mẫu, tọa độ:

- + NSH1: Tại bể chứa nước sạch 1000m³ sau xử lý tại trạm xử lý nước (trạm xử lý nước số 2);
- + NSH2: Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối (bếp ăn hiện trường);
- + NSH3: Tại vòi sử dụng ngẫu nhiên cuối mạng lưới đường ống phân phối (dân cư Khu Hồng Sơn);

Tọa độ: X: 2272011 Y: 589708

Tọa độ: X: 2271099 Y: 590405

Tọa độ: X: 2270306 Y: 590663

6. Ngày lấy mẫu: 13/5/2026

STT	Thông số	Đơn vị tính	Phương pháp phân tích	LOQ/ Đải đo	NSH1 (26T05.N154)	NSH2 (26T05.N155)	NSH3 (26T05.N156)	QCĐP 01:2022/HN
Các thông số nhóm A								
Thông số vi sinh vật								
1	Coliform tổng số (*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	-	KPH	KPH	KPH	<3
2	E.coli (*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	-	KPH	KPH	KPH	<1
Thông số cảm quan và vô cơ								
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0024	<0,0024	<0,0024	<0,0024	0,01
4	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G: 2023	0,05	0,386	0,426	0,321	0,2 ÷ 1,0
5	Độ đục ⁽¹⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1.000	0,82	0,23	1,04	2
6	Màu sắc	mgPt-Co/L	TCVN 6185:2015	9	<9	13,5	11,3	15

7	Mùi, vị ^(#)	-	Đánh giá cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,83	8,11	7,25	6,0 ÷ 8,5

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2026

Cán bộ QA/QC

Doãn Thị Quỳnh Chi

Trưởng phòng

Hoàng Thị Thảo

Lãnh đạo Công ty



GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
Hoàng Thị Hoa

Ghi chú:

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.
2. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
3. Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Môi trường Khoa học & Công nghệ Giang Sơn.
4. Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;
 - US EPA: United States Environmental Protection Agency; SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste Water;
 - NTU: Nephelometric Turbidity Unit;
 - TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia;
 - Dấu (-): Không quy định;
 - KPH: Không phát hiện;
 - 26T05.N154; 26T05.N155; 26T05.N156: Mã hóa mẫu trong Phòng thí nghiệm;
 - Dấu (#): Thông số được đo theo yêu cầu của khách hàng, mang mục đích tham khảo;
 - Dấu (f): Thông số đo nhanh ngoài hiện trường;
 - Dấu (*): Thông số được phân tích bởi Phòng nghiên cứu và phát triển (R&D)- Viện khoa học Công nghệ Năng Lượng và môi trường (Vimcerts 079), các kết quả sử dụng nhà thầu phụ trả theo giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp (MDL);
 - QCDP 01:2022/HN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
5. Các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) sẽ được ghi là: <LOQ.

